

Số: 391 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 (Từ 16h00 ngày 20/3/2022 đến 16h00 ngày 21/3/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Tổng số ca mắc trên thế giới vượt 471,1 triệu ca, trong đó trên 6,1 triệu ca tử vong. Trong 24h qua, Hàn Quốc là nước có số ca mắc mới cao nhất (trên 334.000 ca), trong khi Nga là quốc gia có số ca tử vong mới cao nhất thế giới với trên 430 ca.

Malaysia cũng chuẩn bị cho việc mở cửa trở lại biên giới an toàn từ ngày 1/4 tới bằng việc khuyến nghị du khách trước khi nhập cảnh cần thực hiện 3 quy định tránh cảnh ùn tắc tại các cửa khẩu quốc tế. Thứ nhất, du khách nhập cảnh phải tải ứng dụng MySejahtera xuống điện thoại di động; Thứ hai, tải kết quả xét nghiệm RT-PCR trong vòng 72 giờ trước khi khởi hành và điền vào các tờ khai trước khi nhập cảnh. Sau khi hoàn thiện những tờ khai này, du khách sẽ nhận được "Thẻ du lịch" trên ứng dụng MySejahtera và có thể lên máy bay. Với 2 biện pháp bắt buộc như trên, du khách sẽ làm tiết kiệm thời gian làm thủ tục nhập cảnh từ 30-45 phút so với 60 phút như trước đây.

Ngày 20/3, Trung Quốc đã phong tỏa thêm một thành phố 4,5 triệu dân do dịch lây lan. Cụ thể, lệnh ở trong nhà đã được ban bố đối với hàng triệu người dân ở thành phố Cát Lâm (Đông Bắc nước này) trong nỗ lực ứng phó với đợt bùng phát dịch COVID-19 lớn nhất trong 2 năm qua. Quyết định trên sẽ có hiệu lực trong 3 ngày từ đêm 20/3.

"Deltacron" và "Omicron tàng hình" là 2 biến thể phụ mới của virus SARS-CoV-2 gây bệnh COVID-19 đang nổi lên và gây nhiều lo ngại. Con số toàn cầu về số ca nhiễm Deltacron vẫn chưa được làm rõ. Với Omicron tàng hình, tại Anh, biến thể phụ này chiếm tới 57% trong 27.000 ca mới ghi nhận ở tuần cuối của tháng 2. Tại Mỹ, Omicron tàng hình chiếm khoảng 23,1% tổng số ca. Làn sóng dịch tại Trung Quốc đại lục, Hong Kong (Trung Quốc) và Hàn Quốc được cho là do cả Omicron lẫn Omicron tàng hình.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 21/3/2022, cả nước ghi nhận 8.089.761 ca mắc, trong đó 8.083.661 ca trong nước. Đến nay đã có 4.282.668 người khỏi bệnh, 41.880 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 8.086.909 ca, trong đó có 8.082.091 ca trong nước, 4.279.851 người đã khỏi bệnh (52,9%), 41.845 tử vong tại 60 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày

1. Số ca mắc mới trong ngày

- Ghi nhận 131.713 ca mắc mới, trong đó 131.709 ca ghi nhận trong nước (giảm 9.440 ca so với ngày hôm qua) tại 63 tỉnh, thành phố.

+ Các địa phương ghi nhận trong ngày: Hà Nội (17.916), Nghệ An (5.403), Phú Thọ (5.348), Bắc Ninh (4.295), Lào Cai (4.282), Bắc Giang (3.908), Tuyên Quang (3.896), Lạng Sơn (3.769), Yên Bái (3.755), Vĩnh Phúc (3.686), Bắc Kạn (3.684), Hải Dương (3.620), Đắk Lắk (3.592), Thái Bình (3.016), Sơn La (2.988), Hưng Yên (2.908), Quảng Bình (2.853), Gia Lai (2.793), Hòa Bình (2.793), Thái Nguyên (2.783), Cà Mau (2.714), Quảng Ninh (2.638), Bình Dương (2.452), Cao Bằng (2.264), Bình Định (2.232), Điện Biên (1.983), Hà Nam (1.798), Lai Châu (1.777), Lâm Đồng (1.729), Hà Giang (1.714), Quảng Trị (1.542), Hồ Chí Minh (1.487), Bến Tre (1.451), Ninh Bình (1.446), Vĩnh Long (1.438), Kon Tum (1.246), Bình Phước (1.206), Tây Ninh (1.194), Đắk Nông (1.175), Nam Định (1.112), Phú Yên (973), Hà Tĩnh (968), Thanh Hóa (867), Trà Vinh (812), Quảng Ngãi (811), Đà Nẵng (788), Hải Phòng (758), Bà Rịa - Vũng Tàu (692), Khánh Hòa (616), Thừa Thiên Huế (610), Bình Thuận (450), Quảng Nam (353), Bạc Liêu (249), Cần Thơ (173), An Giang (170), Long An (134), Đồng Nai (77), Đồng Tháp (77), Kiên Giang (76), Ninh Thuận (74), Sóc Trăng (52), Hậu Giang (38), Tiền Giang (5).

+ Có 4 ca nhập cảnh ghi nhận tại Quảng Trị (2), Hà Nội (1), Nghệ An (1).

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm tăng nhiều nhất so với ngày trước đó: Bắc Kạn (+1.875), Bắc Ninh (+1.442), Bình Dương (+1.277).

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm giảm nhiều nhất so với ngày trước đó: Nghệ An (-3.930), Hà Nội (-1.149), Đắk Lắk (-1.003).

2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng

- Cả nước ghi nhận 87.895 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 66,7% tổng số mắc trong ngày), giảm 5.999 ca so với ngày trước đó.

- Một số địa phương ghi nhận số mắc trong ngày trong cộng đồng, gồm:

+ TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 5.381 ca cộng đồng (giảm 751 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 1.188.086 ca.

+ Tỉnh Bắc Ninh: Trong ngày ghi nhận 4.018 ca cộng đồng (tăng 1.517 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 299.889 ca.

+ Tỉnh Phú Thọ: Trong ngày ghi nhận 3.763 ca thông qua sàng lọc (giảm 182 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 234.161 ca.

+ Tỉnh Lạng Sơn: Trong ngày ghi nhận 3.587 ca cộng đồng (giảm 843 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 110.397 ca.

+ Tỉnh Bắc Kạn: Trong ngày ghi nhận 3.509 ca cộng đồng (tăng 1.759 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 32.293 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: Gia Lai tăng 9.207 ca, Vĩnh Phúc tăng 8.799 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: TP. Hà Nội (giảm 17.493 ca), Bắc Ninh (giảm 12.725 ca).

3. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 4.279.851 người đã khỏi bệnh (52,9%), tăng 179.640 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 3.765.213 trường hợp, trong đó có 4.169 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 3.557 (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 225; (3) Thở máy không xâm lấn: 85; (4) Thở máy xâm lấn: 297; (5) EMO: 5.

- Trong ngày 20/3, ghi nhận 63 trường hợp tử vong (giảm 14 ca so với ngày trước đó), tại: Gia Lai (7 ca trong 2 ngày), Hà Nội (4), An Giang (3), Đắk Lắk (3), Đồng Nai (3), Kiên Giang (3), Phú Thọ (3), Trà Vinh (3), Bắc Giang (2), Bạc Liêu (2), Bình Dương (2 ca trong 2 ngày), Bình Phước (2), Đồng Tháp (2), Hòa Bình (2), Lạng Sơn (2), Nam Định (2), Quảng Ninh (2), Sóc Trăng (2), TP. Hồ Chí Minh (2), Bến Tre (1), Bình Định (1), Cà Mau (1), Cần Thơ (1), Cao Bằng (1), Hà Tĩnh (1), Khánh Hòa (1), Lâm Đồng (1), Ninh Bình (1), Tây Ninh (1), Thái Nguyên (1), Vĩnh Long (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Bộ Y tế tham gia Đoàn công tác của Chính phủ làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Dương về tình hình phát triển kinh tế xã hội năm 2021, 2 tháng đầu năm 2022; định hướng, giải pháp phát triển kinh tế xã hội năm 2022 và các năm tiếp theo.

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn sử dụng thuốc điều trị COVID-19. Trong đó ưu tiên những người thuộc đối tượng chống chỉ định cần được tư vấn, thăm khám (kể cả trực tuyến) để đảm bảo sử dụng thuốc được an toàn.

- Tiếp tục chỉ đạo các địa phương tăng cường giám sát, phát hiện sớm các trường hợp nghi ngờ mắc COVID-19 tại cộng đồng, các trường hợp có biểu hiện ho, sốt để kịp thời khoanh vùng, cách ly, xử lý triệt để ổ dịch không để lây lan, bùng phát rộng; đồng thời triển khai tốt các hoạt động y tế, tránh lây nhiễm chéo trong cách ly, khu phong tỏa.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 20/3/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 42.886.165 mẫu cho 86.796.553 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 37.153.001 mẫu tương đương 83.048.614 lượt người, tăng 178.490 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.962.854 mẫu gộp cho 49.231.467 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Tiến độ tiếp nhận vắc xin

Tổng số vắc xin phòng COVID-19 đã tiếp nhận đến ngày 21/3/2022 là 227,8 triệu liều, cụ thể:

TT	Loại vắc xin	Nguồn Ngân sách nhà nước mua	Nguồn viện trợ, tài trợ				Tổng số vắc xin đã tiếp nhận
			Tổng viện trợ, tài trợ	Viện trợ COVAX	Viện trợ Chính phủ các nước	Tài trợ doanh nghiệp	
	(1)	(2)	(3) = 4+5+6	(4)	(5)	(6)	(7)=2+3
1	AstraZeneca	31.436.236	33.630.840	13.572.980	19.671.460	386.400	65.067.076
2	Pfizer	50.999.130	38.653.080	34.061.040	4.592.040	0	89.652.210
3	Moderna	0	14.077.160	14.036.360	40.800	0	14.077.160
4	Sinopharm	20.000.000	32.261.200	61.200	7.200.000	25.000.000	52.261.200
5	Abdala	5.000.000	150.000	0	150.000	0	5.150.000

6	Sputnik V	0	1.508.998	0	32.000	1.476.998	1.508.998
7	Sputnik Light	0	100.000	0	100.000	0	100.000
I	Tổng số vắc xin đã tiếp nhận	107.435.366	120.381.278	61.731.580	31.786.300	26.863.398	227.816.644
II	Tổng số vắc xin đã phân bổ						204.770.776
III	Số vắc xin viện trợ cho Lào						500.000
IV	Số vắc xin chưa phân bổ						22.545.868

Bộ Y tế đã tiếp nhận đủ số vắc xin mua từ nguồn Ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 227,8 triệu liều đã tiếp nhận, đã phân bổ 204,8 triệu liều và viện trợ cho Lào 500.000 liều vắc xin AstraZeneca, còn khoảng 22,5 triệu liều¹ chưa phân bổ phần lớn do mới được tiếp nhận, cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin, ngoài ra có một số lượng vắc xin Pfizer đang chờ được cung ứng nước muối sinh lý pha tiêm mới có thể phân bổ.

2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 20/3/2022

Cả nước đã tiêm 201.828.138 liều (*trong ngày tiêm được 97.711 liều*), tỷ lệ sử dụng đạt 98,6% số vắc xin phân bổ 133 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

Đối tượng ²	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3*
Người lớn (>=18 tuổi)	100,0%	99,1%	43,5%
Trẻ em (12-17 tuổi)	99,0%	94,0%	-

Ghi chú: () Mũi nhắc lại*

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 184.762.975 liều:

+ Mũi 1: 70.944.763 liều

+ Mũi 2: 69.373.364 liều³; Mũi bổ sung: 14.650.864 liều.

+ Mũi 3: 29.793.984 liều

47/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 95%.

16/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 từ 90% đến dưới 95%⁴.

- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 17.065.163 liều:

+ Mũi 1: 8.751.884 liều

+ Mũi 2: 8.313.279 liều.

57/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 90%.

¹ 22,5 triệu liều chưa phân bổ gồm: 9,1 triệu liều Pfizer mua; 2,2 triệu liều Pfizer cho Chính phủ Úc viện trợ; 0,1 triệu liều AstraZeneca do Chính phủ Singapore viện trợ; 0,2 triệu liều Moderna (liều 0,5ml) - 10,1 triệu liều Pfizer và 0,5 triệu liều AstraZeneca do COVAX viện trợ; 0,3 triệu liều AstraZeneca của VNVC.

² Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có).

³ Bao gồm 1.496.237 liều Abdala mũi 3. Vắc xin Abdala có lộ trình tiêm 3 liều cơ bản, mỗi liều cách nhau 14 ngày.

⁴ Hà Nam (93,7%), Hòa Bình (91,2%), Hà Tĩnh (92,4%), Lai Châu (94,1%), Cao Bằng (90,1%), Sơn La (94,8%), Điện Biên (94,0%), Quảng Trị (91,7%), Quảng Ngãi (94,6%), Bình Định (91,1%), Phú Yên (92,1%), Kon Tum (94,7%), Đắk Lắk (94,8%), Đồng Nai (94,7%), Tây Ninh (93,3%) và Bình Dương (92,4%).

06/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 dưới 90%⁵.

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

VIII. Nhận định

Việt Nam hiện đang trong giai đoạn chuyển tiếp giữa giai đoạn đại dịch sang quản lý nguy cơ có tính bền vững, hướng tới từng bước bình thường hóa với dịch COVID-19. Tỷ lệ bệnh nặng, tử vong đã giảm nhiều so với giai đoạn trước nhưng số tử vong ghi nhận hàng ngày vẫn ở mức cao trên dưới 80 trường hợp mỗi ngày. Tỷ lệ mắc bệnh không đồng đều giữa các tỉnh, thành phố; đặc tính vi rút SARS-CoV-2 liên tục xuất hiện các biến thể; trong khi hệ thống giám sát, chăm sóc và điều trị cần phải được hoàn thiện hơn để có thể đáp ứng với các tình huống của dịch nên vẫn cần phải tập trung các biện pháp phòng chống tích cực. Bộ Y tế tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình dịch COVID-19, cập nhật sự biến đổi của vi rút SARS-CoV-2, xây dựng tiêu chí để tham mưu Thủ tướng Chính phủ quyết định xem xét bệnh COVID-19 là “bệnh lưu hành” trong thời điểm thích hợp. Để phù hợp với diễn biến tình hình dịch COVID-19 và xu hướng chung về nới lỏng các biện pháp phòng chống dịch của các nước.

IX. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Triển khai thực hiện nghiêm túc Chương trình phòng, chống dịch COVID-19 năm 2022-2023, trong đó tập trung chủ yếu các nội dung: bảo đảm đạt tỷ lệ bao phủ vắc xin phòng COVID-19 và chủ động cung ứng vắc xin; Kiểm soát sự lây lan của dịch COVID-19; Nâng cao năng lực hệ thống y tế, đặc biệt là y tế dự phòng và y tế cơ sở; tăng cường đầu tư trang thiết bị cơ sở y tế, có các chế độ chính sách đãi ngộ phù hợp với những người làm nhiệm vụ y tế dự phòng, y tế cơ sở; tăng cường chất lượng cấp cứu và hồi sức tích cực ở cơ sở khám bệnh, chữa bệnh các tuyến; Bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương bởi dịch COVID-19; Bảo đảm thông tin, truyền thông chủ động trong định hướng dư luận, tạo sự đồng thuận, niềm tin xã hội; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch thống nhất toàn quốc; Chủ động chuẩn bị các biện pháp về kinh tế - xã hội, hành chính theo cấp độ nguy cơ dịch để bảo đảm vừa phòng, chống dịch vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội và ổn định đời sống sinh hoạt của nhân dân.

2. Triển khai lộ trình thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19; hướng dẫn các biện pháp thích ứng an toàn, triển khai đánh giá cấp độ dịch và triển khai các biện pháp đáp ứng phù hợp với diễn biến tình hình dịch COVID-19. Rà soát các quy định, hướng dẫn về cách ly trường hợp tiếp xúc gần (F1), người nhập cảnh; tổ chức cách ly, điều trị người mắc COVID-19 (F0) tại nhà; tham gia công tác, đi làm với các trường hợp F0, F1 đang trong thời gian cách ly; các biện pháp xét nghiệm COVID-19; cơ chế cung ứng thuốc kháng vi rút điều trị COVID-19; sử dụng thuốc điều trị COVID-19 tại nhà theo hướng đơn giản, thuận tiện đảm bảo khoa học và hiệu quả nhất; xây dựng phương án ứng phó không để quá tải hệ thống y tế, tập trung quản lý người có nguy cơ cao và người lao động. Triển khai tiêm vắc xin thần tốc để hoàn thành việc tiêm mũi 3 cho người từ 18 tuổi (trừ các đối tượng chống chỉ định và chưa tới thời gian tiêm) trong quý I/2022; hoàn thành việc tiêm mũi thứ 2 cho người từ

⁵ Điện Biên (87,1%), Quảng Bình (86,2%), Gia Lai (87,2%), Đắk Lắk (88,4%), TP. HCM (82,1%) và Bình Dương (78,7%).

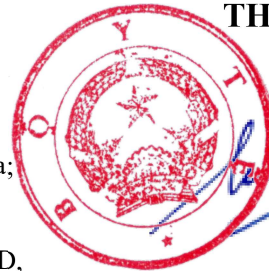
12-17 tuổi trong tháng 3/2022; chuẩn bị tiêm cho trẻ từ 5-11 tuổi; nghiên cứu việc tiêm mũi thứ 4 và các cháu dưới 5 tuổi...

3. Nâng cao năng lực hệ thống y tế, nhất là y tế dự phòng, y tế cơ sở; lập kế hoạch đầu tư cho nghiên cứu y sinh học, phát triển công nghiệp dược, vắc xin, sinh phẩm, thuốc điều trị, trang thiết bị y tế. Tăng cường nguồn nhân lực; có các chính sách thỏa đáng đối với cán bộ y tế và lực lượng tuyến đầu trong phòng chống dịch.

4. Tăng cường công tác thông tin truyền thông, huy động người dân, cộng đồng tham gia công tác phòng chống dịch. Chủ động truyền thông tăng cường thông tin, tuyên truyền bảo đảm kịp thời, chính xác về tình hình và các giải pháp của các cấp có thẩm quyền, theo tinh thần lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực, tăng cường thông tin hướng dẫn để người dân yên tâm, ngăn chặn hiệu quả các luận điệu xuyên tạc, sai trái....

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, **VP**.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Trường Sơn

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 20/3	Số mắc ngày 21/3	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 21/3	Số tử vong tích lũy đến 20/3
Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:		141.149	131.709	-9.440	8.081.889	41.845
1	Hà Nội	19.065	17.916	-1.149	1.188.086	1.185
2	Hồ Chí Minh	1462	1.487	25	584.234	20.456
3	Bình Dương	1175	2.452	1.277	362.009	3.422
4	Nghệ An	9.333	5.403	-3.930	351.251	130
5	Hải Dương	3.724	3.620	-104	317.845	101
6	Bắc Ninh	2.853	4.295	1.442	299.889	127
7	Vĩnh Phúc	4162	3.686	-476	264.361	19
8	Bắc Giang	3853	3.908	55	256.252	80
9	Phú Thọ	5747	5.348	-399	234.161	72
10	Quảng Ninh	2693	2.638	-55	225.523	98
11	Nam Định	1634	1.112	-522	221.087	137
12	Hưng Yên	2838	2.908	70	160.269	5
13	Hòa Bình	3644	2.793	-851	153.512	99
14	Thái Bình	3309	3.016	-293	144.027	21
15	Thái Nguyên	2866	2.783	-83	143.909	93
16	Thanh Hóa	918	867	-51	125.736	97
17	Cà Mau	2441	2.714	273	121.410	320
18	Lào Cai	4358	4.282	-76	116.213	30
19	Tây Ninh	1266	1.194	-72	114.829	854
20	Sơn La	3375	2.988	-387	112.610	0
21	Lạng Sơn	4635	3.769	-866	110.397	64
22	Hải Phòng	613	758	145	110.396	134
23	Khánh Hòa	751	616	-135	108.994	331
24	Bình Định	2564	2.232	-332	105.979	258
25	Đắk Lắk	4595	3.592	-1.003	105.642	139
26	Đồng Nai	165	77	-88	105.107	1.791
27	Bình Phước	1812	1.206	-606	100.086	209
28	Tuyên Quang	3950	3.896	-54	97.967	12
29	Đà Nẵng	765	788	23	86.691	316
30	Hà Giang	1760	1.714	-46	80.702	72
31	Quảng Bình	3347	2.853	-494	80.431	62
32	Ninh Bình	1118	1.446	328	79.696	86
33	Bến Tre	2227	1.451	-776	76.837	421
34	Yên Bái	3342	3.755	413	76.679	9
35	Vĩnh Long	1760	1.438	-322	75.463	787
36	Điện Biên	2778	1.983	-795	64.529	14
37	Lâm Đồng	1938	1.729	-209	62.881	110
38	Cao Bằng	2321	2.264	-57	60.653	33
39	BRVT	823	692	-131	60.194	476

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 20/3	Số mắc ngày 21/3	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 21/3	Số tử vong tích lũy đến 20/3
40	Hà Nam	1888	1.798	-90	58.488	54
41	Quảng Trị	1943	1.542	-401	55.599	33
42	Trà Vinh	1353	812	-541	54.911	263
43	Đồng Tháp	92	77	-15	49.271	980
44	Lai Châu	2066	1.777	-289	49.071	0
45	Cần Thơ	112	173	61	48.080	924
46	Gia Lai	3502	2.793	-709	46.511	85
47	Long An	161	134	-27	45.857	990
48	Bình Thuận	518	450	-68	45.173	451
49	Bạc Liêu	267	249	-18	42.983	421
50	Phú Yên	1213	973	-240	40.742	111
51	Quảng Nam	331	353	22	40.466	122
52	Đắc Nông	1196	1.175	-21	39.672	42
53	An Giang	175	170	-5	37.917	1.345
54	Kiên Giang	89	76	-13	36.808	947
55	Tiền Giang	53	5	-48	35.897	1.220
56	T.T.Huế	600	610	10	35.091	171
57	Sóc Trăng	49	52	3	33.492	596
58	Quảng Ngãi	585	811	226	32.639	110
59	Bắc Kạn	1809	3.684	1.875	32.293	14
60	Hà Tĩnh		968	968	31.772	26
61	Kon Tum	1051	1.246	195	17.575	0
62	Hậu Giang	51	38	-13	17.001	213
63	Ninh Thuận	65	74	9	8.043	57
14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương:						
Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:					202	-
	BVNĐ TW				96	
	BV K				106	
	Tổng cộng	141.149	131.709	-9.440	8.082.091	41.845

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 20/3/2022)

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bố 133 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bố 133 đợt
1	Hà Nội	17.746.562	6.228.695	5.995.356	0	233.124	3.997.500	699.518	674.743	17.828.936	100,5%
2	Hải Phòng	4.410.866	1.696.526	1.619.633	0	559.479	344.028	173.514	174.432	4.567.612	103,6%
3	Thái Bình	3.150.960	1.157.091	1.194.417	97.282	279.292	402.029	150.029	146.159	3.426.299	108,7%
4	Nam Định	3.200.140	1.145.317	1.127.919	0	58.539	618.255	158.398	156.097	3.264.525	102,0%
5	Hà Nam	1.823.260	582.868	573.490	0	274.311	247.625	71.438	69.241	1.818.973	99,8%
6	Ninh Bình	1.741.280	675.426	668.271	0	235.215	315.978	82.166	78.443	2.055.499	118,0%
7	Thanh Hoá	7.735.680	2.205.107	2.145.276	290.250	412.372	602.118	283.435	281.516	6.220.074	80,4%
8	Bắc Giang	3.702.018	1.305.661	1.288.142	0	159.744	1.047.406	149.767	149.254	4.099.974	110,7%
9	Bắc Ninh	3.119.990	1.136.145	1.092.862	0	360.422	432.463	115.527	108.163	3.245.582	104,0%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 133 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 133 đợt
10	Phú Thọ	2.463.940	1.002.846	1.000.018	0	287.308	409.838	124.912	123.397	2.948.319	119,7%
11	Vĩnh Phúc	2.292.030	793.369	772.746	0	242.751	395.219	114.275	112.331	2.430.691	106,0%
12	Hải Duong	3.317.176	1.332.859	1.280.097	5.429	96.519	493.021	157.247	153.881	3.519.053	106,1%
13	Hung Yên	2.457.762	822.811	798.818	0	306.806	349.504	110.591	110.075	2.498.605	101,7%
14	Thái Nguyên	2.407.650	920.083	888.549	12.792	206.119	259.130	108.213	106.691	2.501.577	103,9%
15	Bắc Cạn	600.140	219.528	217.356	0	13.694	75.352	25.225	23.666	574.821	95,8%
16	Quảng Ninh	3.281.368	1.007.655	972.389	0	21.625	833.415	119.421	110.336	3.064.841	93,4%
17	Hoà Bình	1.655.130	552.604	519.945	0	234.760	166.598	75.444	71.462	1.620.813	97,9%
18	Nghệ An	5.567.680	2.005.436	1.998.146	499.033	570.777	618.628	281.138	267.952	6.241.110	112,1%
19	Hà Tĩnh	2.270.650	801.478	735.249	0	230.717	128.139	113.667	111.801	2.121.051	93,4%
20	Lai Châu	782.870	256.199	246.025	0	107.718	96.533	53.522	48.018	808.015	103,2%
21	Lạng Sơn	1.741.530	510.304	500.245	0	0	424.461	66.528	62.859	1.564.397	89,8%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 133 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 133 đợt
22	Tuyên Quang	1.425.200	493.097	490.002	0	40.926	291.057	70.237	67.026	1.452.345	101,9%
23	Hà Giang	1.732.720	487.876	472.857	487	167.183	218.218	88.638	84.687	1.519.946	87,7%
24	Cao Bằng	995.520	350.688	332.450	0	73.065	122.677	45.548	41.433	965.861	97,0%
25	Yên Bái	1.637.480	517.440	507.616	0	264.714	210.352	78.940	75.560	1.654.622	101,0%
26	Lào Cai	1.539.820	466.392	454.451	0	255.901	128.664	80.532	74.374	1.460.314	94,8%
27	Sơn La	1.839.820	738.822	698.674	2.334	0	259.035	140.915	131.383	1.971.163	107,1%
28	Điện Biên	1.145.460	335.759	318.704	0	228.303	83.847	72.701	58.834	1.098.148	95,9%
Cộng miền Bắc		85.784.702	29.748.082	28.909.703	907.607	5.921.384	13.571.090	3.811.486	3.673.814	86.543.166	100,9%
29	Quảng Bình	1.558.630	536.996	520.002	0	163.121	146.000	79.703	68.600	1.514.422	97,2%
30	Quảng Trị	1.306.372	432.875	416.174	10.593	65.541	211.331	64.843	60.265	1.261.622	96,6%
31	TT- Huế	2.428.386	786.997	766.182	0	270.709	292.893	102.409	98.227	2.317.417	95,4%
32	Tp. Đà Nẵng	2.495.632	865.731	858.794	0	83.621	778.880	102.113	99.745	2.788.884	111,8%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 133 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 133 đợt
33	Quảng Nam	3.189.860	1.044.914	1.035.374	32.127	394.821	279.081	132.605	130.337	3.049.259	95,6%
34	Quảng Ngãi	2.755.364	852.611	806.867	0	110.338	385.623	113.371	112.494	2.381.304	86,4%
35	Bình Định	2.974.270	1.049.438	1.015.755	53.825	353.201	290.486	140.863	137.763	3.041.331	102,3%
36	Phú Yên	1.732.454	626.160	598.053	502	77.906	260.047	85.550	80.618	1.728.836	99,8%
37	Khánh Hòa	2.755.850	979.700	952.919	0	395.584	353.763	122.089	115.526	2.919.581	105,9%
38	Ninh Thuận	1.233.610	432.000	402.335	0	148.028	163.304	61.577	58.628	1.265.872	102,6%
39	Bình Thuận	2.720.780	914.926	886.479	7.207	268.467	161.178	131.700	125.815	2.495.772	91,7%
Cộng miền Trung		25.151.208	8.522.348	8.258.934	104.254	2.331.337	3.322.586	1.136.823	1.088.018	24.764.300	98,5%
40	Kon Tum	1.020.100	321.132	320.844	10.696	93.513	100.914	58.967	55.533	961.599	94,3%
41	Gia Lai	2.734.912	996.091	916.937	78.914	216.022	204.497	167.610	145.125	2.725.196	99,6%
42	Đắk Lắk	3.400.550	1.259.362	1.199.954	0	515.279	244.634	178.061	164.158	3.561.448	104,7%
43	Đắk Nông	1.287.080	403.207	399.376	0	209.586	133.962	68.070	65.742	1.279.943	99,4%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 133 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 133 đợt
Cộng Tây Nguyên		8.442.642	2.979.792	2.837.111	89.610	1.034.400	684.007	472.708	430.558	8.528.186	101,0%
44	TP. HCM	20.329.820	7.394.831	6.678.095	0	679.277	4.216.311	728.645	683.908	20.381.067	100,3%
45	BR-VT	2.756.640	971.107	909.657	0	9.719	629.672	110.539	109.284	2.739.978	99,4%
46	Đồng Nai	6.663.800	2.721.723	2.357.381	0	170.955	580.242	284.677	274.559	6.389.537	95,9%
47	Tiền Giang	3.802.590	1.325.063	1.276.919	130.131	105.237	728.391	156.869	158.075	3.880.685	102,1%
48	Long An	4.333.358	1.501.239	1.464.039	0	22.370	1.132.059	171.738	157.190	4.448.635	102,7%
49	Lâm Đông	2.983.224	982.757	966.194	0	525.818	239.157	138.865	120.218	2.973.009	99,7%
50	Tây Ninh	2.581.560	948.781	890.968	0	32.471	501.646	109.066	100.641	2.583.573	100,1%
51	Cần Thơ	2.766.418	944.306	943.023	5.972	342.362	277.663	109.915	102.371	2.725.612	98,5%
52	Sóc Trăng	2.581.060	899.036	865.520	0	662.920	48.563	116.852	111.026	2.703.917	104,8%
53	An Giang	4.084.292	1.363.936	1.345.472	191.315	439.742	280.982	204.041	188.953	4.014.441	98,3%
54	Bến Tre	2.997.032	1.023.536	1.007.065	0	467.987	244.066	106.936	104.550	2.954.140	98,6%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 133 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 133 đợt
55	Trà Vinh	2.098.550	698.874	685.171	0	14.376	493.521	98.456	90.955	2.081.353	99,2%
56	Vĩnh Long	2.337.120	778.665	764.455	0	290.495	330.923	92.820	87.976	2.345.334	100,4%
57	Đồng Tháp	3.649.810	1.160.481	1.200.662	148	373.642	304.556	157.885	149.140	3.346.514	91,7%
58	Bình Dương	6.322.150	2.434.353	2.181.359	0	144.129	830.697	191.325	152.826	5.934.689	93,9%
59	Bình Phước	2.252.180	752.685	721.089	0	214.690	160.961	109.584	100.949	2.059.958	91,5%
60	Kiên Giang	3.790.150	1.238.102	1.173.734	67.200	0	380.384	167.191	158.557	3.185.168	84,0%
61	Cà Mau	2.457.310	819.787	809.044	0	436.097	125.606	112.601	111.924	2.415.059	98,3%
62	Bạc Liêu	1.609.230	568.466	560.185	0	179.797	205.279	88.820	86.174	1.688.721	104,9%
63	Hậu Giang	1.529.630	532.285	514.076	0	251.659	120.204	74.042	71.613	1.563.879	102,2%
Cộng miền Nam		81.925.924	29.060.013	27.314.108	394.766	5.363.743	11.830.883	3.330.867	3.120.889	80.415.269	98,2%

Ghi chú:

- 767.200 liều vắc xin AsstraZeneca đợt 133 có Quyết định phân bổ ngày 15/3/2022

- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1, mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.

- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 66.050 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.

- Bộ Quốc phòng được cấp 1.649.420 liều vắc xin, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.440.958 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 346.955 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

- Bộ Công an được cấp 1.442.380 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 136.259 liều, trong đó có 59.924 mũi 1, 37.872 mũi 2 và 38.463 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 20/3/2022)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	100,0%	100,0%	73,4%	100,0%	99,8%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	100,0%	100,0%	23,8%	100,0%	100,0%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	92,9%	95,9%	32,3%	100,0%	97,4%
4	Nam Định	1.159.000	159.266	98,8%	97,3%	53,3%	99,5%	98,0%
5	Hà Nam	612.219	72.258	95,2%	93,7%	40,4%	98,9%	95,8%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	100,0%	100,0%	47,5%	100,0%	95,9%
7	Thanh Hoá	2.204.426	285.497	100,0%	97,3%	27,3%	99,3%	98,6%
8	Bắc Giang	1.280.197	150.059	100,0%	100,0%	81,8%	99,8%	99,5%
9	Bắc Ninh	1.146.710	116.710	99,1%	95,3%	37,7%	99,0%	92,7%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	99,2%	99,0%	40,6%	97,0%	95,8%
11	Vĩnh Phúc	789.896	115.958	100,0%	97,8%	50,0%	98,5%	96,9%
12	Hải Dương	1.344.063	157.641	99,2%	95,2%	36,7%	99,8%	97,6%
13	Hung Yên	826.028	112.803	99,6%	96,7%	42,3%	98,0%	97,6%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	100,0%	96,8%	28,2%	100,0%	98,8%
15	Bắc Cạn	220.169	25.202	99,7%	98,7%	34,2%	100,0%	93,9%
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	98,8%	95,3%	81,7%	98,2%	90,7%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
17	Hoà Bình	570.146	73.734	96,9%	91,2%	29,2%	100,0%	96,9%
18	Nghệ An	1.960.688	274.429	100,0%	100,0%	31,6%	100,0%	97,6%
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	100,0%	92,4%	16,1%	98,5%	96,9%
20	Lai Châu	261.410	52.540	98,0%	94,1%	36,9%	100,0%	91,4%
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	100,0%	98,8%	83,8%	100,0%	95,6%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	100,0%	100,0%	59,6%	97,0%	92,6%
23	Hà Giang	490.008	89.928	99,6%	96,5%	44,5%	98,6%	94,2%
24	Cao Bằng	368.973	44.257	95,0%	90,1%	33,2%	100,0%	93,6%
25	Yên Bái	510.271	79.169	100,0%	99,5%	41,2%	99,7%	95,4%
26	Lào Cai	445.152	79.914	100,0%	100,0%	28,9%	100,0%	93,1%
27	Sơn La	737.237	141.675	100,0%	94,8%	35,1%	99,5%	92,7%
28	Điện Biên	339.186	67.539	99,0%	94,0%	24,7%	100,0%	87,1%
Cộng miền Bắc		28.807.267	3.786.256	100,0%	100,0%	47,1%	100,0%	97,0%
29	Quảng Bình	541.719	79.538	99,1%	96,0%	27,0%	100,0%	86,2%
30	Quảng Trị	453.602	65.509	95,4%	91,7%	46,6%	99,0%	92,0%
31	TT- Huế	779.911	103.142	100,0%	98,2%	37,6%	99,3%	95,2%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	97,8%	97,0%	88,0%	99,9%	97,6%
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	96,2%	95,3%	25,7%	94,5%	92,8%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	100,0%	94,6%	45,2%	98,7%	97,9%
35	Bình Định	1.115.072	146.514	94,1%	91,1%	26,1%	96,1%	94,0%
36	Phú Yên	649.673	85.684	96,4%	92,1%	40,0%	99,8%	94,1%
37	Khánh Hòa	952.940	128.449	100,0%	100,0%	37,1%	95,0%	90,0%
38	Ninh Thuận	409.689	57.230	100,0%	98,2%	39,9%	100,0%	100,0%
39	Bình Thuận	902.470	128.964	100,0%	98,2%	17,9%	100,0%	97,6%
Cộng miền Trung		8.629.332	1.152.519	98,8%	95,7%	38,5%	98,6%	94,4%
40	Kon Tum	338.741	60.751	94,8%	94,7%	29,8%	97,1%	91,4%
41	Gia Lai	950.154	166.462	100,0%	96,5%	21,5%	100,0%	87,2%
42	Đắk Lắk	1.266.098	185.763	99,5%	94,8%	19,3%	95,9%	88,4%
43	Đắk Nông	404.872	68.824	99,6%	98,6%	33,1%	98,9%	95,5%
Cộng Tây Nguyên		2.959.865	481.800	100,0%	95,9%	23,1%	98,1%	89,4%
44	TP. HCM	6.826.573	831.740	100,0%	97,8%	61,8%	87,6%	82,2%
45	BR-VT	956.596	112.724	100,0%	95,1%	65,8%	98,1%	96,9%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	94,7%	23,3%	100,0%	94,0%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	100,0%	98,2%	56,0%	99,0%	99,7%
48	Long An	1.452.231	167.662	100,0%	100,0%	78,0%	100,0%	93,8%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	100,0%	99,4%	24,6%	100,0%	91,2%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
50	Tây Ninh	954.662	103.358	99,4%	93,3%	52,5%	100,0%	97,4%
51	Cần Thơ	947.860	112.746	99,6%	99,5%	29,3%	97,5%	90,8%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	100,0%	99,9%	5,6%	100,0%	99,5%
53	An Giang	1.371.622	198.826	99,4%	98,1%	20,5%	100,0%	95,0%
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	98,5%	96,9%	23,5%	100,0%	100,0%
55	Trà Vinh	698.227	96.275	100,0%	98,1%	70,7%	100,0%	94,5%
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	100,0%	99,4%	43,0%	100,0%	95,9%
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.973	93,2%	96,4%	24,5%	98,7%	93,2%
58	Bình Dương	2.361.053	194.210	100,0%	92,4%	35,2%	98,5%	78,7%
59	Bình Phước	758.594	107.044	99,2%	95,1%	21,2%	100,0%	94,3%
60	Kiên Giang	1.190.277	172.958	100,0%	98,6%	32,0%	96,7%	91,7%
61	Cà Mau	813.771	112.247	100,0%	99,4%	15,4%	100,0%	99,7%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	99,3%	97,8%	35,9%	97,8%	94,9%
63	Hậu Giang	536.163	70.270	99,3%	95,9%	22,4%	100,0%	100,0%
Cộng miền Nam		28.122.551	3.420.904	100,0%	97,1%	42,1%	100,0%	91,2%

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 20/3/2022 đến 16h00 ngày 21/3/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 4.261 lượt người (nhập cảnh: 1.919, xuất cảnh: 2.342).
- + Tuyến VN-TQ: 298 lượt người (nhập cảnh: 95, xuất cảnh: 203).
- + Tuyến VN-Lào: 2.210 lượt người (nhập cảnh 1.023, xuất cảnh: 1.187).
- + Tuyến VN-CPC: 1.753 lượt người (nhập cảnh 801; xuất cảnh: 952).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 195 người trong đó:
 - + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 78 người (VN-TQ: 0; VN-Lào: 78, VN-CPC: 0).
 - + Số người nhập cảnh trái phép: 98 người (VN-TQ: 0; VN-Lào: 0, VN-CPC: 98).
 - + Số người trao trả: 19 người (VN-TQ: 19; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

II. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 19/3/2022 tới ngày 20/3/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 2.918 lượt người (nhập cảnh: 1.082 lượt người; xuất cảnh: 1.836 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 5.583 lượt người (nhập cảnh: 2.282 lượt người; xuất cảnh: 2.761 lượt người).

III. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 21/3, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 20 tin/bài tiếng Việt; 23 ảnh trong nước và quốc tế; 14 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm thông tin Tư liệu và Đồ họa thực hiện 2 tin đồ họa về dịch bệnh COVID-19 ở Việt Nam và trên thế giới.

TTXVN tập trung phản ánh tình hình và nỗ lực kiểm soát dịch COVID-19 ở các địa phương như hỗ trợ các trường hợp F0, F1 đăng ký, nhận giấy chứng nhận nghỉ việc trực tuyến; điều trị cho các bệnh nhân COVID-19; tăng cường các biện pháp phòng dịch, bảo đảm an toàn trong tổ chức dạy và học cho học sinh; chấn chỉnh việc quản lý, điều trị F0 tại nhà; ý kiến của các chuyên gia về việc chuyển COVID-19 từ bệnh truyền nhiễm nhóm A sang bệnh truyền nhiễm nhóm B, với nhiều vấn đề đáng lưu ý trong việc triển khai các biện pháp phòng, chống dịch.

TTXVN tiếp tục cập nhật diễn biến dịch trên thế giới và các nghiên cứu khoa học về điều trị bệnh nhân COVID-19 cũng như di chứng hậu COVID-19; một số nước nói lỏng quy định như Hong Kong (Trung Quốc) nói lại các chuyến bay với 9 quốc gia, Thái Quyển dỡ bỏ phong tỏa; Malaysia chuẩn bị mở cửa trở lại biên giới.

IV. Bộ Thông tin và truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại: Bà Rịa-Vũng Tàu (từ 21/3, các DN đã dừng phát âm thông báo tại Bình Phước).

- Tính đến hết 20/3, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.489.000 cuộc gọi (ngày 20/3 đã tiếp nhận và xử lý hơn 4 nghìn cuộc gọi).

10/3	11/3	12/3	13/3	14/3	15/3	16/3	17/3	18/3	19/3	20/3
5829	5393	4394	4024	5251	5319	5351	5637	5835	5095	4094

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 20/3/2022 đã tiếp nhận hơn 313 nghìn cuộc (ngày 20/3/2022 đã tiếp nhận 23 cuộc).

Tiêu chí	10/3	11/3	12/3	13/3	14/3	15/3	16/3	17/3	18/3	19/3	20/3
Cuộc gọi đến	46	33	25	31	34	37	29	41	32	27	23

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9/2021, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC-Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 39.165.000, chiếm 40,83% dân số, 58,73% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.779.924 điểm đăng ký

+ 76.209 điểm ghi nhận hoạt động.

- Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 269.582.556

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 201.828.138

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 189.182.320

- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 93,73%

- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 33.438.867

- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.

- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...

(1) Nhận định chung:

- Báo chí thông tin kịp thời về các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, BCD Quốc gia về phòng, chống dịch bệnh COVID-19.

- Tuyên truyền về các biện pháp phòng, chống dịch của bộ, ngành, địa phương.

- Tiếp tục hướng dẫn, khuyến cáo việc điều trị F0, cách sử dụng các loại thuốc an toàn; tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân, không được lơ là, chủ quan khi số ca mắc trong cộng đồng ngày càng tăng cao.

(2) Thông tin về chỉ đạo chống dịch:

- Văn phòng Chính phủ đã có thông báo 77/TB-VPCP kết luận của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam tại cuộc họp về việc mua vaccine cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi, theo đó Bộ Y tế làm rõ các loại vaccine có thể tiêm cho trẻ em; tình hình, dự báo số lượng nhiễm virus ở trẻ em và việc tiêm sau khi bị mắc bệnh; kinh nghiệm của các nước tiêm cho trẻ em; các cam kết tài trợ vắc-xin của các nước, trên cơ sở đó kiến nghị tổng số vắc-xin cần mua, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong ngày 21/3/2022.

- Tổng số liều vắc-xin đã được tiêm là 201.660.445 liều, trong đó:

Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 184.601.999 liều: Mũi 1 là 70.940.674 liều; Mũi 2 là 67.876.279 liều; Mũi 3 là 1.496.174 liều; Mũi bổ sung là 14.636.057 liều; Mũi nhắc lại là 29.652.815 liều.

Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 17.058.446 liều: Mũi 1 là 8.752.976 liều; Mũi 2 là 8.305.470 liều.

(3) Công tác phòng, chống dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương:

- Thành phố Hồ Chí Minh: Trước tình trạng cập nhật chậm cơ sở dữ liệu F0 và F1, thành phố đã yêu cầu cơ sở dữ liệu phải chính xác để không chỉ tra cứu khi có sự cố, mà từ nền tảng cơ sở dữ liệu, phải phân tích đánh giá đúng tình hình, chủ động có giải pháp can thiệp kịp thời, bởi can thiệp càng sớm, hậu quả càng nhỏ.

Sau 08 tháng đi vào hoạt động, Bệnh viện hồi sức Covid-19 đã tiếp nhận trên 5.000 bệnh nhân. Nay bệnh viện chính thức dừng hoạt động, trả lại cơ sở cho Bệnh viện Ung Bướu TP.HCM để tiếp nhận bệnh nhân ung thư.

- Hà Nội thêm hơn 19.000 ca mới trong 24 giờ, còn gần 380.000 ca đang điều trị. Đây là ngày thứ 9 liên tiếp số ca mắc trong ngày ở Hà Nội giảm. So với mốc 32.650 ca thiết lập hôm 8/3, số ca mắc ở Thủ đô đã giảm hơn 10.000 ca.

Về công tác tiêm chủng, Hà Nội có 81,3% số người từ 18 tuổi trở lên đã được tiêm mũi nhắc lại vắc-xin COVID-19. Bên cạnh đó, gần 100% người cần tiêm mũi bổ sung đã được tiêm chủng.

Hà Nội đề nghị các trường đón học sinh các khối 7, 8, 9, 10, 11 và 12 trên địa bàn thành phố học tập trực tiếp tại trường từ ngày 21/3. Các trường tổ chức dạy và học trực tiếp gắn với bảo đảm an toàn phòng, chống dịch, kiểm soát, xử lý kịp thời các ca nhiễm, giữ mức độ an toàn cao nhất cho học sinh và giáo viên.

- Hải Phòng: Sau hơn 10 ngày cấp cứu, điều trị tích cực tại BV Trẻ em Hải Phòng, bệnh nhi hơn 3 tuổi mắc COVID-19 sốt cao phải lọc máu đã dần bình phục.

- Kon Tum yêu cầu các cơ sở kinh doanh trang thiết bị, vật tư y tế trên địa bàn tỉnh, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, nhà thuốc, quầy thuốc, đại lý bán lẻ... có thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 hoặc bán test nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 phải tuân thủ nghiêm túc việc niêm yết giá xét nghiệm hoặc giá bộ kit xét nghiệm kháng nguyên SARS-CoV-2 và đảm bảo chất lượng sản phẩm khi cung ứng dịch vụ hoặc bán người dân. Nếu vi phạm sẽ bị xử lý nghiêm.

- Khánh Hòa: trong 3 ngày liên tiếp gần đây, số ca mắc COVID-19 mới trên địa bàn Khánh Hòa liên tục giảm. Cùng với việc thích ứng an toàn thì địa phương triển khai tiêm vắc-xin COVID-19 nhanh chóng. Độ tuổi từ 18 tuổi trở lên đã tiêm mũi 1 là 977.316 người (tỷ lệ 102,56%); mũi 2 là 975.259 người (tỷ lệ 102,34%); mũi 3 là 796.947 người (tỷ lệ 83,63%). Độ tuổi từ 12 đến 17 tuổi đã tiêm mũi 1 là 119.065 người (tỷ lệ 104,57%); mũi 2 là 110.820 người (tỷ lệ 97,33%).

- Tuyên Quang: từ 21/3 tỉnh này cho học sinh các lớp 7, 8, 9, 10, 11 và 12, học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn toàn tỉnh tiếp tục học trực tiếp, trực tuyến linh hoạt theo phương án của Sở GD&ĐT. Trẻ em cấp mầm non tiếp tục nghỉ học. Học sinh từ lớp 1 đến lớp 6 học trực tuyến.